

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 374/2026/DS-PT

Ngày: 13 - 4 - 2026

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hương

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Các ngày 07, 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do án dân sự sơ thẩm số: 205/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 709/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M; Địa chỉ: Ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Văn P; Địa chỉ: Ấp E, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2023).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Yến L; Địa chỉ: Ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Trần Thị Yến L: Ông Trần Văn L1; Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp. (Giấy uỷ quyền ngày 02/4/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Yến L: Luật sư Trần Hồ N – Công ty L2 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

- *Người làm chứng:* Ông HENG KIM HENG, sinh năm 1958; Địa chỉ ở nước ngoài: B Kampung S, Malaysia; Địa chỉ tại Việt Nam: Ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Yến L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trước đây vào khoảng tháng 3/2019 đến tháng 10/2020, bà Nguyễn Thị M có thoả thuận mua bán chỉ sơ dừa với bà Trần Thị Yến L, hai bên thoả thuận miệng bằng hình thức thanh toán gởi đầu là khi giao lô hàng mới thì phía bà L thanh toán lô hàng cũ, việc thanh toán bà M có ghi trong sổ quản lý của bà và có chữ ký xác nhận còn nợ lại của bà L. Trong quá trình mua bán thời gian đầu phía bà L thanh toán tiền đầy đủ nhưng dần về sau thì không thanh toán, tính đến ngày 02/10/2020 thì bà L còn nợ lại bà M số tiền 1.550.000.000 đồng, bà L cam kết sẽ thanh toán dứt trong tháng 11/2020 nhưng đến nay vẫn không thanh toán.

Nay bà M yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Yến L trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng. Bà M rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ 1.550.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị yến L có đại diện theo uỷ quyền là ông Trần Văn LI trình bày:

Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M vì bà cho rằng từ trước đến nay bà không có giao dịch làm ăn với bà M. Bà L quen biết với ông Heng Kim H (thường gọi là H1) quốc tịch Malaysia, trong quá trình sống chung với ông H, vào năm 2018 ông H có làm ăn mua bán sơ dừa với bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Thúy K, trong thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2020 ông H có đưa tiền cho bà nhờ bà trả tiền mà ông H mua sơ dừa cho bà M và bà K nhưng bà không trực tiếp đưa cho bà M mà đưa cho bà K, trong các lần trả tiền thì bà K kêu bà L ký tên thay cho ông H trong biên nhận xác nhận số tiền đã trả và còn thiếu.

Tại án dân sự sơ thẩm số: 205/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, đã quyết định:

Áp dụng các Điều 430, 440, 166, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Trần Thị Yến L trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà M, nếu bà L chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả kể từ ngày 02/12/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng, tương ứng với số tiền vốn gốc 1.550.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí giám định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 20 tháng 10 năm 2025, bị đơn bà Trần Thị Yến L có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 205/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc buộc bà Trần Thị Yến L trả cho bà M số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, sửa Bản án sơ thẩm. Bà L không có thỏa thuận mua bán với bà M, việc bà L ký sổ theo dõi mua bán sơ dữa của bà M là do ông H nhờ bà trả tiền mua bán giữa ông H với bà M khi ông H đi nước ngoài. Ông H là người tham gia giao dịch mua bán với bà M nên yêu cầu đưa ông H vào tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Yến L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L, sửa Bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc bà L trả bà M số tiền 1.550.000.000 đồng, giữa bà L với bà M không thỏa thuận giao dịch mua bán chỉ sơ dữa, bà L là người làm công cho ông H. Số tiền bà L giao cho bà M là tiền của ông H nhờ trả dùm.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà M có ông Nguyễn Văn P đề

ngị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bà M không thỏa thuận, giao dịch mua bán chỉ sơ dừa với ông H và không biết ông H. Bà L là chủ doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngành nghề chỉ sơ dừa nên bà M chỉ giao dịch với bà L. Từ trước năm 2020, bà M và bà L thỏa thuận mua bán chỉ sơ dừa, nguyên tắc mua đứt, bán đoạn nên hai bên không lập sổ theo dõi, ngày 02/10/2020 bà L nợ bà M số tiền 1.550.000.000 đồng nên bà M yêu cầu bà L ký vào sổ nợ, sau đó bà M đòi tiền bà L nhiều lần nhưng bà L không trả.

Người làm chứng ông Heng Kim H trình bày: Ông H với bà M giao dịch mua bán chỉ sơ dừa từ năm 2017 đến năm 2019; Hình thức mua bán giữa hai bên khi bà M giao hàng xong thì bên ông H thanh toán tiền hàng cho bà M bằng tiền mặt sau, việc giao nhận hàng và thanh toán tiền mỗi đợt thì ông H đều có ký xác nhận vào sổ cái theo dõi do bà M lập, những lúc ông H không có mặt ở Việt Nam thì ông H đưa tiền nhờ bà L trả tiền hàng dùm cho bà M như các lần bà L ký xác nhận vào sổ cái theo dõi do bà M cung cấp tại Toà án. Sau thời điểm bà L ký sổ trả tiền cho bà M ngày 02/10/2020 thì ông H đã về Việt Nam và sau đó nhiều lần ông H đã thanh toán xong hết số tiền nợ 1.550.000.000 đồng cho bà M trong năm 2020. Việc ông H thanh toán tiền nợ cho bà M thì ông H có ký xác nhận vào sổ cái theo dõi của bà M. Bà L hoàn toàn không biết và không liên quan đến việc thanh toán tiền, mua bán chỉ sơ dừa giữa ông H và bà M. Các khoản tiền ông H đưa cho bà L thanh toán cho bà M qua các lần bà L ký xác nhận trong biên nhận, gồm: ngày 18/3/2019, 12/4/2019, 02/5/2019, 24/5/2019, 08/9/2019, 30/9/2019, 24/02/2020, 01/4/2020, 16/6/2020 và ngày 02/10/2020 là tiền cá nhân của ông H, không phải tiền của bà L. Quá trình giao dịch làm ăn với nhau thì ông H và bà M chỉ lập 01 sổ cái là sổ theo dõi do bà M giữ, không có lập hợp đồng mua bán hay biên nhận khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Yến L.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long và chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà **Trần Thị Yến L** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Về chi phí giám định; án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử lại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn bà **Trần Thị Yến L** xác định bà **L** không có quan hệ làm ăn kinh doanh mua bán chỉ sơ dừa với bà **M**. Bà **L** có đăng ký kinh doanh ngành nghề buôn bán xuất nhập khẩu chỉ sơ dừa, lưới sơ dừa, thậm chí thực tế người mua bán chỉ sơ dừa với bà **M** là ông **Heng Kim H** (thường gọi là **H1**) quốc tịch Malaysia, bà **L** chỉ là người làm công ăn lương cho ông **H**. Cụ thể, năm 2018 ông **H** bắt đầu mua bán chỉ sơ dừa với bà **M** và bà **Nguyễn Thị Thúy K**, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2020 do ông **H** không có ở Việt Nam nên ông **H** có đưa tiền nhờ bà **L** trả tiền mua sơ dừa cho bà **M** và bà **K**, nhưng bà không trực tiếp đưa cho bà **M** mà đưa cho bà **K**, trong các lần trả tiền thì bà **K** kêu bà **L** ký tên trả tiền vào sổ ghi chép theo dõi của bà **M**. Mục đích ký tên vào sổ là nhằm xác nhận số tiền bà **L** đã trả và số tiền ông **H** còn thiếu bà **M**. Vì vậy, nếu bà **M** có tranh chấp về số tiền mua bán thì bà **L** yêu cầu đưa ông **H** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, không được cấp sơ thẩm chấp nhận.

[2] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai ông **Heng Kim H** tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2026 ông **H** xác định: Ông **H** bắt đầu giao dịch mua bán chỉ sơ dừa với bà **M** từ năm 2017 đến năm 2019; Hình thức mua bán giữa hai bên là ông **H** liên hệ bà **M** đặt hàng, bà **M** giao hàng trước và sau đó khoảng 01 tuần ông **H** thanh toán tiền hàng cho bà **M** bằng tiền mặt, việc giao nhận hàng và thanh toán tiền mỗi đợt thì ông **H** đều có ký xác nhận vào sổ cái theo dõi do bà **M** lập, những lúc ông **H** không có mặt ở Việt Nam thì ông **H** đưa tiền nhờ bà **L** trả tiền hàng dùm cho bà **M** như các lần bà **L** ký xác nhận vào sổ cái theo dõi do bà **M** cung cấp tại Tòa án. Sau thời điểm bà **L** ký sổ trả tiền cho bà **M** ngày 02/10/2020 thì ông **H** đã về Việt Nam và sau đó nhiều lần ông **H** đã thanh toán xong hết số tiền nợ 1.550.000.000 đồng cho bà **M** trong năm 2020. Việc ông **H** thanh toán tiền nợ cho bà **M** thì ông **H** có ký xác nhận vào sổ cái theo dõi của bà

M. Bà L hoàn toàn không biết và không liên quan đến việc thanh toán tiền, mua bán chỉ sơ dữa giữa ông H và bà M. Các khoản tiền ông H đưa cho bà L thanh toán cho bà M qua các lần bà L ký xác nhận trong biên nhận, gồm: ngày 18/3/2019, 12/4/2019, 02/5/2019, 24/5/2019, 08/9/2019, 30/9/2019, 24/02/2020, 01/4/2020, 16/6/2020 và ngày 02/10/2020 là tiền cá nhân của ông H, không phải tiền của bà L. Quá trình giao dịch làm ăn với nhau thì ông H và bà M chỉ lập 01 sổ cái là sổ theo dõi do bà M giữ, không có lập hợp đồng mua bán hay biên nhận khác. Mặt khác, tại bản khai của người làm chứng là bà Hồ Thị Kim P1 khai ông H là người trực tiếp giao dịch mua bán với bà M và bà là người nhận vận chuyển hàng hóa từ cơ sở bà M đến cảng C cho ông H, bà L không tham gia giao dịch mua bán sơ dữa với bà M. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm khi giải quyết không thu thập ý kiến của những người có liên quan và đưa ông Heng Kim H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết toàn diện, triệt để các yêu cầu của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Xét bà M khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 1.550.000.000 đồng căn cứ vào một tờ giấy tập học sinh có 02 mặt (BL 46-47): Mặt trước bắt đầu bằng dòng chữ: “24/5 trả 50 triệu còn lại 2.030.000.000 và chữ ký “Ý”; 8/9 trả 95.000.000; 30/9 trả 105.000.000 còn lại 1.830.000.000 và chữ ký “Ý”; 24/2/2020 trả 100.000.000 triệu, còn thiếu lại 1.730.000.000 triệu và chữ ký “Ý””; Mặt sau tờ giấy bắt đầu bằng dòng chữ: “1/4 trả 50.000.000 triệu, còn thiếu lại 1.680.000.000 triệu và kết thúc bằng chữ ký “Ý”; 16/6 trả Kiều 30.000.000 triệu, còn thiếu lại 1.650.000.000 triệu và chữ ký “Ý”; 2/10/20 trả Kiều 100 triệu, còn thiếu lại 1.550.000.000 và và chữ ký “Ý””. Các đương sự thừa nhận hình thức kinh doanh của bà M với khách hàng chỉ thỏa thuận miệng, thanh toán gói đầu (giao lô hàng mới, thanh toán tiền hàng cũ). Theo đó, bà M và người đại diện hợp pháp bà M đều xác nhận việc thanh toán tiền hàng với bà L được ghi trong sổ theo dõi do bà M giữ. Nội dung cuối quyển sổ ngày 02/10/2020 bà L ký trả 100.000.000 đồng còn thiếu lại 1.550.000.000, có chữ ký bà L được bà M xé ra từ sổ cái theo dõi việc giao dịch mua bán giữa hai bên và bà M cho rằng đây là nội dung xác định việc chốt nợ giữa hai bên.

Do đó, cấp phúc thẩm yêu cầu bà M cung cấp bản gốc sổ cái ghi chép, quản lý việc mua bán giữa bà M với bà L mà bà M đã xé để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại cấp phúc thẩm phía nguyên đơn nộp Sổ tập học sinh có ghi “LY VK” được đánh số từ trang bìa trước số 01 liên tục đến trang bìa sau số 72 (tạm gọi là: Sổ tập), tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2026, đại diện theo uỷ quyền của bà M xác định: Sổ tập học sinh tại trang bìa có ghi “LY VK” có nghĩa là L ở V, xã A, huyện

M, tỉnh Bến Tre (cũ), là sổ theo dõi chung nhiều công việc bao gồm cả việc mua bán sơ dừa với bà L và cho rằng tờ giấy tập học sinh có 02 mặt (BL 46-47) mà bà M khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 1.550.000.000 đồng được xé ra tại vị trí ở giữa trang 14 và trang 15 của quyển tập có ghi “LY VK” do bà M cung cấp tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, xét nội dung quyển sổ tập học sinh có ghi “LY VK” do phía nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm thể hiện sổ này có nội dung ghi chép các ghe dừa của Đ, V, M1, K1, D từ ngày 08/10/2017 đến ngày 18/10/2017, không có nội dung nào thể hiện theo dõi việc mua bán, tiền nợ giữa bà M với bà L, không có liên quan gì đến bà L và cũng nội dung cũng không phù hợp với tờ giấy tập học sinh có 02 mặt (BL 46-47) mà bà M cung cấp khi khởi kiện. Bởi lẽ, tại tài liệu nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện thể hiện tại BL 06 thì ngoài tờ giấy tập học sinh có 02 mặt (BL 46-47) thì nguyên đơn còn cung cấp bản photo tài liệu khác thể hiện nội dung: “cũ 2.224.000.000”; “18/3/ trả 44.000.000”; “Còn lại: 2.180.000.000” và chữ ký “Ý”; “12/4 trả 50.000.000” “Còn lại: 2.130.000.000” và chữ ký “Ý”; “2/5 trả 50.000.000”; “Còn lại 20.80.000.000” và chữ ký “Ý”. Như vậy, có căn cứ xác định trước tờ giấy tập học sinh có 02 mặt (BL 46-47) thì sổ cái theo dõi của nguyên đơn là tờ giấy tập có ghi nội dung: “cũ 2.224.000.000”; “18/3/ trả 44.000.000”; “Còn lại: 2.180.000.000” và chữ ký “Ý”; “12/4 trả 50.000.000” “Còn lại: 2.130.000.000” và chữ ký “Ý”; “2/5 trả 50.000.000”; “Còn lại 20.80.000.000” và chữ ký “Ý” chứ không phải là chứ không phải là tờ giấy tập nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm ghi “Ghe dừa KI (Diểm) 18/10/2017, 81.75”. Do đó, không có căn cứ xác định tờ giấy tập bà M khởi kiện bà L liên quan số tiền 1.550.000.000 đồng trong vụ án này được nguyên đơn xé ra từ quyển sổ tập do phía nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng từ trước thời điểm ngày 24/5 bà M và bà L làm ăn mua bán theo nguyên tắc mua đứt bán đoạn và hai bên không có lập hợp đồng mua bán, bị đơn không có nợ khoản tiền nào khác và đến ngày 24/5 bà L mua sơ dừa trị giá 2.080.000.000 đồng trả 50.000.000 đồng còn nợ lại 2.030.000.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ ban đầu do phía nguyên đơn cung cấp tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm có mâu thuẫn nhau.

Xét ông H cho rằng giữa ông với bà M có giao dịch mua bán chỉ sơ dừa từ năm 2017 đến cuối năm 2020 thì ngưng và trong quá trình giao dịch hai bên lập nhiều sổ theo dõi việc mua bán và trả tiền, các quyển sổ đều do bà M giữ. Cuối năm 2020, ông H đã thanh toán xong các khoản tiền nợ phát sinh trước đó và lần cuối cùng khi trả tiền ông H có ký tên trả tiền vào sổ cái theo dõi nợ của bà M, hai

bên không còn nợ nhau. Do đó, để có căn cứ xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu khởi kiện của bà **M** liên quan đến việc mua bán sơ dứa thì bà **M** phải cung cấp sổ cái theo dõi việc mua bán giữa hai bên để Tòa án xem xét toàn diện khi giải quyết vụ án. Việc bà **M** chỉ xé một tờ giấy tập trong quyển sổ cái theo dõi mua bán giữa hai bên để khởi kiện yêu cầu bà **L** trả số tiền nợ 1.550.000.000 đồng và được cấp sơ thẩm chấp nhận là không có căn cứ. Bởi bản chất và nội dung của tờ giấy tập học sinh có 02 mặt (BL 46-47) không phải là biên bản xác nhận nợ hay chốt nợ giữa hai bên.

Như vậy, để có căn cứ xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần thu thập bản gốc sổ cái theo dõi việc ghi chép mua bán sơ dứa giữa bà **M** với bà **L**, ông **H** và yêu cầu ông **H**, bà **L** cung cấp chứng cứ chứng minh ông **H** có tham gia việc giao dịch mua bán chỉ sơ dứa với bà **M** giai đoạn năm 2017 đến năm 2020, thu thập ý kiến những người biết sự việc liên quan đến giao dịch mua bán giữa bà **M**, bà **L**, ông **H**.

Từ phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã không đưa đủ người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ. Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Chi phí giám định; án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà **L** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền bà **L** đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Yến L**.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Chi phí giám định; án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà **Trần Thị Yến L** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà **L** đã nộp theo Biên lai thu số 7574 ngày 28/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Vĩnh Long sẽ được hoàn trả cho bà **Trần Thị Yến L**.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TPT-TATC tại TPHCM: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND KV9-VL: 01;
- Phòng THADS KV9-VL: 01;
- Đương sự: 02;
- HCTP: 01;
- KTNV: 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Nữ Phà Ca